SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
LẠNG SƠN
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II LỚP 12 THPT
NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: ĐỊA LÍ
(Thời gian làm bài: 50 phút)

Họ và tên: …….. Số báo danh: …… **Mã đề: 135**

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4,5 điểm): Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án đúng nhất.

Câu 1. Tài nguyên khoáng sản có giá trị nhất của vùng Đông Nam Bộ là
A. đá a-xít, đất hiếm. **B.** cao lanh, than bùn. **C.** dầu mỏ, khí tự nhiên. **D.** a-pa-tít, man-gan.

Câu 2. Đặc khu nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?
A. Phú Quốc. **B.** Trường Sa. **C.** Hoàng Sa. **D.** Vân Đồn.

Câu 3. Vùng Nam Trung Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng loại cây nào sau đây?
A. Cao su. **B.** Chè. **C.** Cà phê. **D.** Điều.

Câu 4. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?
A. Cam-pu-chia. **B.** Trung Quốc. **C.** Thái Lan. **D.** Mi-an-ma.

Câu 5. Dịch vụ vận tải nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do
A. thay thế toàn bộ các loại hình truyền thống. **B.** chỉ tập trung phục vụ dân cư đô thị lớn.
C. yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống. **D.** điều kiện tự nhiên thuận lợi ở các vùng.

Câu 6. Công nghiệp khai thác than tập trung chủ yếu ở tỉnh nào sau đây của vùng Đồng bằng sông Hồng?
A. Ninh Bình. **B.** Quảng Ninh. **C.** Hưng Yên. **D.** Bắc Ninh.

Câu 7. Loại hình vận tải quan trọng và có khối lượng hàng hóa vận chuyển lớn nhất ở nước ta hiện nay là
A. đường ô tô. **B.** đường biển. **C.** đường sông. **D.** đường sắt.

Câu 8. Hoạt động ngoại thương của nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?
A. Thị trường xuất khẩu được mở rộng. **B.** Chỉ xuất khẩu các hàng nông sản.
C. Hoàn toàn nhập khẩu từ Trung Quốc. **D.** Cán cân thương mại luôn nhập siêu.

Câu 9. Đặc điểm nào sau đây đúng về vấn đề phát triển thủy điện ở vùng Nam Trung Bộ?
A. Mùa khô làm tăng công suất phát điện. **B.** Đã xây dựng nhiều nhà máy thủy điện.
C. Trữ năng thủy điện lớn nhất cả nước. **D.** Chưa tạo động lực phát triển kinh tế.

Câu 10. Vùng Bắc Trung Bộ phát triển hoạt động khai thác thủy sản nhờ điều kiện chủ yếu nào sau đây?
A. Tập trung nhiều đầm phá lớn. **B.** Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
C. Có nhiều hồ diện tích khá lớn. **D.** Nguồn sinh vật biển phong phú.

Câu 11. Tỉnh nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?
A. Đồng Nai. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Gia Lai. **D.** Cà Mau.

Câu 12. Loại cây nào sau đây là cây lương thực chủ yếu của vùng Bắc Trung Bộ?
A. Lúa. **B.** Sắn. **C.** Ngô. **D.** Khoai.

Câu 13. Du lịch của nước ta hiện nay
A. chỉ phục vụ khách quốc tế. **B.** chỉ chú trọng du lịch sinh thái.
C. là ngành kinh tế mũi nhọn. **D.** chưa đầu tư cơ sở hạ tầng.

Câu 14. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc phát triển cây trồng cận nhiệt đới nhờ điều kiện tự nhiên nào sau đây?
A. Tập trung nhiều cao nguyên đá vôi bằng phẳng.
B. Chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa.
C. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
D. Lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.

Câu 15. Ngành bưu chính nước ta hiện nay
A. có hiệu quả kinh tế thấp. **B.** chưa được đầu tư hiện đại.
C. chú trọng chuyển đổi số. **D.** có tốc độ tăng trưởng chậm.

Câu 16. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đứng đầu cả nước về
A. xuất khẩu thủy sản. **B.** xuất khẩu cao su. **C.** số lượng đàn trâu. **D.** diện tích trồng chè.

Câu 17. Giải pháp chủ yếu để ứng phó với biến đổi khí hậu trong ngành trồng trọt ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. chuyển đổi cơ cấu cây trồng, bố trí mùa vụ sản xuất hợp lí.
B. đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực.
C. nâng cao nhận thức người dân, phát triển kinh tế liên hoàn.
D. mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng cường khai thác mùa lũ.

Câu 18. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có trữ lượng thủy năng lớn nhất trên sông nào sau đây?
A. Sông Lô. **B.** Sông Đà. **C.** Sông Gâm. **D.** Sông Chảy.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai (4,0 điểm): Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:
Nam Trung Bộ là vùng có nhiều điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội thuận lợi để phát triển du lịch như nhiều bãi tắm đẹp, khu dự trữ sinh quyển, lễ hội, làng nghề truyền thống,... Trong những năm gần đây, doanh thu du lịch và số lượt khách du lịch không ngừng tăng; các loại hình du lịch đa dạng; cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch ngày càng hiện đại.

a) Các loại hình du lịch phổ biến của vùng là du lịch biển - đảo, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa.
b) Doanh thu du lịch tăng chủ yếu là do sản xuất trong nước phát triển, tài nguyên du lịch phong phú.
c) Nâng cao trình độ lao động, mở rộng thị trường là giải pháp chủ yếu để hiện đại hóa cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch của vùng.
d) Nam Trung Bộ có nhiều thế mạnh để phát triển đa dạng các loại hình du lịch.

Câu 2. Cho thông tin sau:
Ngành dịch vụ của Đông Nam Bộ phát triển nhanh, ngày càng tăng về quy mô và chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GRDP của vùng. Vùng có nhiều ngành dịch vụ phát triển hàng đầu cả nước như giao thông vận tải, thương mại, du lịch, bưu chính viễn thông. Các ngành này đều phát triển theo hướng hiện đại, đáp ứng được nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của vùng.

a) Đông Nam Bộ là vùng có cơ cấu ngành dịch vụ kém đa dạng.
b) Hạ tầng giao thông của vùng phát triển dẫn đầu cả nước chủ yếu là do vị trí địa lí thuận lợi, nâng cao trình độ quản lí.
c) Tỉ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GRDP của vùng tăng chủ yếu là do tăng cường hội nhập, mở rộng thị trường.
d) Bưu chính viễn thông của vùng dẫn đầu cả nước trong chuyển đổi số và đầu tư công nghệ cao.

Câu 3. Cho thông tin sau:
Hoạt động nội thương nước ta ngày càng phát triển, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng; các loại hình buôn bán đa dạng từ chợ truyền thống đến các siêu thị, trung tâm thương mại; phương thức buôn bán mở rộng. Tuy nhiên sự phát triển của các loại hình thương mại hiện đại còn hạn chế, hoạt động nội thương phân bố không đều giữa các vùng, các khu vực.

a) Phát triển giao thông, phân bố lại dân cư, bổ sung nguồn lao động là những giải pháp quan trọng nhất để phát triển các loại hình thương mại hiện đại.
b) Hệ thống bán buôn, bán lẻ nước ta được mở rộng và hiện đại hóa.
c) Hoạt động nội thương phân bố không đều giữa các vùng chủ yếu là do khác biệt về tự nhiên, chênh lệch về mật độ dân số và chính sách phát triển.
d) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng là do thị trường trong nước lớn, sức mua tăng lên.

Câu 4. Cho biểu đồ:

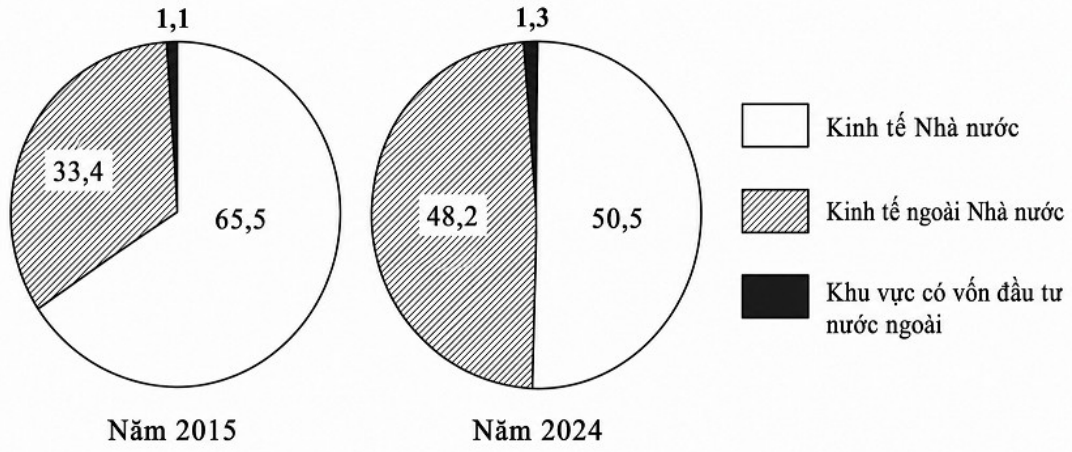

Biểu đồ cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2015 và năm 2024 (%)

Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê

a) Năm 2024 so với năm 2015, tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước giảm mạnh.

b) Năm 2024, kinh tế Nhà nước chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển của nước ta.

c) Tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhiều hơn kinh tế ngoài Nhà nước.

d) Tỉ trọng kinh tế Nhà nước luôn cao hơn kinh tế ngoài Nhà nước.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn (1,5 điểm): Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2024, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 786,9 tỉ đô la Mỹ. Trong đó, trị giá xuất khẩu hàng hóa là 405,9 tỉ đô la Mỹ. Hãy cho biết năm 2024, tỉ lệ trị giá nhập khẩu hàng hóa trong tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Số thuê bao internet băng rộng cố định của nước ta năm 2020 và năm 2024

(Đơn vị: triệu thuê bao)

Năm	2020	2024
Số thuê bao internet	16,6	23,9

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết số thuê bao internet băng rộng cố định của nước ta năm 2024 so với năm 2020 tăng gấp bao nhiêu lần (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 3. Năm 2024, sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long là 24 517,4 nghìn tấn, diện tích gieo trồng lúa là 3 858,5 nghìn ha. Hãy cho biết năm 2024, năng suất lúa của Đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Năm 2024, số dân của Đồng bằng sông Hồng là 24,0 triệu người, diện tích là 21,3 nghìn km². Hãy cho biết năm 2024, mật độ dân số của Đồng bằng sông Hồng là bao nhiêu người/km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Năm 2024, vận tải đường sắt của nước ta có số lượt hành khách vận chuyển là 20,0 triệu lượt người; số lượt hành khách luân chuyển là 2 855,2 triệu lượt người.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển hành khách trung bình của đường sắt nước ta năm 2024 là bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Số lượng trâu, bò của Trung du và miền núi phía Bắc năm 2023 và năm 2024

(Đơn vị: nghìn con)

Năm	2023	2024
Trâu	1 195,5	1 141,0
Bò	1 221,7	1 206,7

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc, năm 2024 so với năm 2023, số lượng trâu giảm đi cao hơn số lượng bò giảm đi là bao nhiêu nghìn con (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

--------- HẾT ---------

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần I.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án	C	D	C	B	C	B	A	A	B	D	A	A	C	C	C	A	A	B

Phần II.

Câu	a	b	c	d
Câu 1	Đ	S	S	Đ
Câu 2	S	S	Đ	Đ
Câu 3	S	Đ	S	Đ
Câu 4	S	Đ	S	Đ

Phần III.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	48,4%	1,44 lần	63,5 tạ/ha	1127 người/km²	143 km	39,5 nghìn con

LỜI GIẢI THAM KHẢO

Phần I.

Câu 1. Đáp án C. dầu mỏ, khí tự nhiên.
Đông Nam Bộ có thềm lục địa phía Nam giàu dầu khí, đây là tài nguyên khoáng sản có giá trị kinh tế lớn nhất của vùng. Các mỏ dầu, khí ở khu vực này là cơ sở quan trọng để phát triển công nghiệp khai thác dầu khí, nhiệt điện khí, hóa dầu.

Câu 2. Đáp án D. Vân Đồn.
Vân Đồn thuộc tỉnh Quảng Ninh, mà Quảng Ninh hiện được xếp vào vùng Đồng bằng sông Hồng. Phú Quốc thuộc Kiên Giang, Trường Sa thuộc Khánh Hòa, Hoàng Sa thuộc Đà Nẵng.

Câu 3. Đáp án C. Cà phê.
Vùng Nam Trung Bộ theo nội dung đề có thế mạnh lớn về cây công nghiệp lâu năm, đặc biệt là cà phê tập trung nhiều ở khu vực Tây Nguyên. Vì vậy vùng này dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng cà phê. Cao su và điều nổi bật hơn ở Đông Nam Bộ, chè nổi bật ở Trung du và miền núi phía Bắc.

Câu 4. Đáp án B. Trung Quốc.
Trung du và miền núi phía Bắc là vùng biên giới phía Bắc nước ta, tiếp giáp với Trung Quốc và Lào. Trong các phương án đã cho, quốc gia tiếp giáp với vùng này là Trung Quốc.

Câu 5. Đáp án C. yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống.
Dịch vụ vận tải ngày càng đa dạng vì nền kinh tế phát triển, nhu cầu vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu, hành khách, du lịch, giao thương ngày càng lớn. Do đó phải phát triển nhiều loại hình vận tải để phục vụ sản xuất và đời sống.

Câu 6. Đáp án B. Quảng Ninh.
Than đá của nước ta tập trung chủ yếu ở Quảng Ninh. Đây là nơi có bể than lớn, lâu đời, là trung tâm khai thác than quan trọng nhất cả nước.

Câu 7. Đáp án A. đường ô tô.
Đường ô tô là loại hình vận tải quan trọng nhất hiện nay vì có tính cơ động cao, đi được đến nhiều vùng, phù hợp với vận chuyển cự li ngắn và trung bình. Nếu xét khối lượng hàng hóa vận chuyển, đường ô tô chiếm tỉ trọng lớn nhất.

Câu 8. Đáp án A. Thị trường xuất khẩu được mở rộng.
Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển, hàng hóa xuất khẩu đến nhiều thị trường trên thế giới. Các phương án còn lại sai vì nước ta không chỉ xuất khẩu nông sản, không hoàn toàn nhập khẩu từ Trung Quốc, và cán cân thương mại không phải luôn nhập siêu.

Câu 9. Đáp án B. Đã xây dựng nhiều nhà máy thủy điện.
Nam Trung Bộ có tiềm năng thủy điện trên các hệ thống sông ở miền núi, nhiều nhà máy thủy điện đã được xây dựng, góp phần cung cấp điện và thúc đẩy phát triển kinh tế. Mùa khô thường làm giảm lượng nước nên không làm tăng công suất phát điện.

Câu 10. Đáp án D. Nguồn sinh vật biển phong phú.
Bắc Trung Bộ có vùng biển rộng, nhiều bãi cá, bãi tôm, nguồn lợi hải sản khá phong phú nên thuận lợi cho khai thác thủy sản. Đầm phá chủ yếu thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản hơn là khai thác.

Câu 11. Đáp án A. Đồng Nai.
Đồng Nai là tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ. Hà Tĩnh thuộc Bắc Trung Bộ, Gia Lai thuộc Tây Nguyên, Cà Mau thuộc Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 12. Đáp án A. Lúa.
Lúa là cây lương thực chủ yếu của Bắc Trung Bộ, được trồng ở các đồng bằng ven biển và thung lũng. Sắn, ngô, khoai cũng được trồng nhưng không phải cây lương thực chủ yếu bằng lúa.

Câu 13. Đáp án C. là ngành kinh tế mũi nhọn.
Du lịch nước ta hiện nay được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn do có tiềm năng lớn, đóng góp ngày càng quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và thúc đẩy các ngành dịch vụ khác phát triển.

Câu 14. Đáp án C. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
Trung du và miền núi phía Bắc có mùa đông lạnh, địa hình cao nên thuận lợi phát triển cây cận nhiệt và ôn đới như chè, hồi, quế, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt. Đây là điều kiện tự nhiên quan trọng nhất.

Câu 15. Đáp án C. chú trọng chuyển đổi số.
Ngành bưu chính hiện nay không chỉ chuyển phát truyền thống mà còn gắn với thương mại điện tử, logistics, công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Vì vậy đặc điểm phù hợp nhất là chú trọng chuyển đổi số.

Câu 16. Đáp án A. xuất khẩu thủy sản.
Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm thủy sản lớn nhất nước ta, đặc biệt về nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản như cá tra, tôm. Cao su, chè và đàn trâu không phải thế mạnh đứng đầu của vùng này.

Câu 17. Đáp án A. chuyển đổi cơ cấu cây trồng, bố trí mùa vụ sản xuất hợp lí.
Đồng bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng mạnh của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, hạn hán, ngập lụt. Trong trồng trọt, giải pháp chủ yếu là chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp, bố trí mùa vụ hợp lí để thích ứng với điều kiện tự nhiên thay đổi.

Câu 18. Đáp án B. Sông Đà.
Trung du và miền núi phía Bắc có trữ năng thủy điện lớn nhất nước ta, tập trung nhiều trên hệ thống sông Đà. Các nhà máy lớn như Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu đều nằm trên sông Đà.

Phần II.

Câu 1.

a) **Đúng.** Nam Trung Bộ có nhiều bãi biển đẹp, đảo, khu dự trữ sinh quyển, lễ hội, làng nghề truyền thống nên các loại hình du lịch phổ biến là du lịch biển - đảo, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa.

b) **Sai.** Doanh thu du lịch tăng chủ yếu do lượng khách tăng, cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch được cải thiện, các loại hình du lịch đa dạng hơn. "Sản xuất trong nước phát triển" không phải nguyên nhân chủ yếu trực tiếp làm tăng doanh thu du lịch.

c) **Sai.** Nâng cao trình độ lao động và mở rộng thị trường là giải pháp phát triển du lịch nói chung, nhưng không phải giải pháp chủ yếu để **hiện đại hóa cơ sở hạ tầng**. Muốn hiện đại hóa cơ sở hạ tầng phải tăng đầu tư, nâng cấp giao thông, cơ sở lưu trú, khu vui chơi, dịch vụ phục vụ khách.

d) **Đúng.** Nam Trung Bộ có tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú nên có nhiều thế mạnh để phát triển đa dạng các loại hình du lịch.

Kết luận câu 1: Đ - S - S - Đ

Câu 2.

a) **Sai.** Đông Nam Bộ có cơ cấu ngành dịch vụ rất đa dạng, gồm giao thông vận tải, thương mại, du lịch, bưu chính viễn thông, tài chính, ngân hàng,... Đây là vùng có dịch vụ phát triển hàng đầu cả nước.

b) **Sai.** Hạ tầng giao thông của Đông Nam Bộ phát triển mạnh chủ yếu do kinh tế phát triển, nhu cầu vận tải lớn, mức độ đô thị hóa cao, đầu tư lớn. "Vị trí địa lí thuận lợi, nâng cao trình độ quản lí" chưa phải nguyên nhân chủ yếu đầy đủ.

c) **Đúng.** Tỉ trọng dịch vụ tăng trong cơ cấu GRDP của vùng gắn với quá trình hội nhập, mở rộng thị trường, phát triển thương mại, du lịch, tài chính, logistics, bưu chính viễn thông.

d) **Đúng.** Đông Nam Bộ, đặc biệt là TP. Hồ Chí Minh và các đô thị lớn, có bưu chính viễn thông phát triển hiện đại, đi đầu trong chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ cao.

Kết luận câu 2: S - S - Đ - Đ

Câu 3.

a) **Sai.** Phát triển giao thông, phân bố lại dân cư, bổ sung lao động không phải là những giải pháp quan trọng nhất để phát triển thương mại hiện đại. Giải pháp phù hợp hơn là hiện đại hóa hạ tầng thương mại, phát triển thương mại điện tử, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng thị trường, tăng sức mua.

b) **Đúng.** Hệ thống bán buôn, bán lẻ nước ta ngày càng mở rộng, từ chợ truyền thống đến siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, thương mại điện tử.

c) **Sai.** Nội thương phân bố không đều chủ yếu do sự khác nhau về trình độ phát triển kinh tế, mức sống, mật độ dân cư, đô thị hóa và sức mua. Điều kiện tự nhiên không phải nguyên nhân chủ yếu.

d) **Đúng.** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng do thị trường trong nước lớn, dân số đông, đời sống nâng cao, sức mua tăng lên.

Kết luận câu 3: S - Đ - S - Đ

Câu 4.

Dựa vào biểu đồ:

Năm 2015:
Kinh tế Nhà nước: 65,5%; Kinh tế ngoài Nhà nước: 33,4%; Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: 1,1%.

Năm 2024:
Kinh tế Nhà nước: 50,5%; Kinh tế ngoài Nhà nước: 48,2%; Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: 1,3%.

a) **Sai.** Kinh tế ngoài Nhà nước không giảm mà tăng từ 33,4% lên 48,2%.

b) **Đúng.** Năm 2024, kinh tế Nhà nước chiếm 50,5%, cao nhất trong ba thành phần kinh tế.

c) **Sai.** Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 1,1% lên 1,3%, tức tăng 0,2 điểm phần trăm. Kinh tế ngoài Nhà nước tăng từ 33,4% lên 48,2%, tức tăng 14,8 điểm phần trăm. Vì vậy khu vực có vốn đầu tư nước ngoài không tăng nhiều hơn kinh tế ngoài Nhà nước.

d) **Đúng.** Trong cả hai năm thể hiện trên biểu đồ, tỉ trọng kinh tế Nhà nước đều cao hơn kinh tế ngoài Nhà nước: năm 2015 là 65,5% > 33,4%; năm 2024 là 50,5% > 48,2%.

Kết luận câu 4: S - Đ - S - Đ

Phần III.

Câu 1.

Đề bài cho:

Tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu: 786,9 tỉ đô la Mỹ.

Trị giá xuất khẩu: 405,9 tỉ đô la Mỹ.

Ta cần tìm tỉ lệ **trị giá nhập khẩu** trong tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu.

Trước hết tính trị giá nhập khẩu:

$786,9 - 405,9 = 381,0$

tỉ đô la Mỹ.

Tỉ lệ trị giá nhập khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu là:

$$\frac{381,0}{786,9} \times 100 \approx 48,4\%$$

Làm tròn đến một chữ số thập phân được **48,4%**.

Đáp án câu 1: 48,4%

Câu 2.

Đề bài cho số thuê bao internet băng rộng cố định:

Năm 2020: 16,6 triệu thuê bao.

Năm 2024: 23,9 triệu thuê bao.

Muốn biết năm 2024 gấp bao nhiêu lần năm 2020, ta lấy số thuê bao năm 2024 chia cho số thuê bao năm 2020:

$$\frac{23,9}{16,6} \approx 1,4397$$

Làm tròn đến hai chữ số thập phân được **1,44 lần**.

Đáp án câu 2: 1,44 lần

Câu 3.

Đề bài cho:

Sản lượng lúa: 24 517,4 nghìn tấn.

Diện tích gieo trồng lúa: 3 858,5 nghìn ha.

Công thức tính năng suất:

$$Nang\ su?t = \frac{S?n\ lu?ng}{Di?n\ tích}$$

Ta có:

$$\frac{24517,4}{3858,5} \approx 6,35$$

tấn/ha.

Đề yêu cầu đơn vị **tạ/ha**. Vì 1 tấn = 10 tạ, nên:

$$6,35 \times 10 = 63,5$$

tạ/ha.

Làm tròn đến một chữ số thập phân được **63,5 tạ/ha**.

Đáp án câu 3: 63,5 tạ/ha

Câu 4.

Đề bài cho:

Số dân Đồng bằng sông Hồng: 24,0 triệu người.

Diện tích: 21,3 nghìn km².

Công thức tính mật độ dân số:

$$M?t\ d?\ dân\ s? = \frac{S?\ dân}{Di?n\ tích}$$

Đổi đơn vị để tính:

24,0 triệu người = 24 000 000 người.

21,3 nghìn km² = 21 300 km².

Ta có:

$$\frac{24000000}{21300} \approx 1126,76$$

người/km².

Làm tròn đến hàng đơn vị được **1127 người/km²**.

Đáp án câu 4: 1127 người/km²

Câu 5.

Đề bài cho:

Số lượt hành khách vận chuyển: 20,0 triệu lượt người.

Số lượt hành khách luân chuyển: 2 855,2 triệu lượt người.km.

Công thức tính cự li vận chuyển trung bình:

$$\text{Cự li vận chuyển trung bình} = \frac{\text{Khối lượng luân chuyển}}{\text{Khối lượng vận chuyển}}$$

$$\frac{2855,2}{20,0} = 142,76$$

Ta có: km.

Làm tròn đến hàng đơn vị được **143 km**.

Đáp án câu 5: 143 km

Câu 6.

Bảng số liệu cho:

Trâu năm 2023: 1 195,5 nghìn con.
Trâu năm 2024: 1 141,0 nghìn con.

Bò năm 2023: 1 221,7 nghìn con.
Bò năm 2024: 1 206,7 nghìn con.

Tính số lượng trâu giảm:

$$1195,5 - 1141,0 = 54,5$$

nghìn con.

Tính số lượng bò giảm:

$$1221,7 - 1206,7 = 15,0$$

nghìn con.

Số lượng trâu giảm cao hơn số lượng bò giảm là:

$$54,5 - 15,0 = 39,5$$

nghìn con.

Làm tròn đến một chữ số thập phân vẫn là **39,5 nghìn con**.

Đáp án câu 6: 39,5 nghìn con